

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 71/2021/HSST

Ngày: 05-4-2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Ngọc.

2. Ông Thái Văn Sơn.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Đức, Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa Huệ, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 53/2021/HSST ngày 10/03/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2021/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 03 năm 2021 đối với các Bị cáo:

1/ Họ và tên: Nguyễn Văn H, sinh ngày 10 tháng 9 năm 1990, tại: tỉnh Quảng Bình; Giới tính: Nam; HKTT: Thôn 3, xã Phúc Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình; Chỗ ở: Ấp C, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Con ông Nguyễn H, sinh năm: 1946 và bà Hoàng Thị D, sinh năm: 1951; Bị cáo có vợ tên Hoàng Thanh H, sinh năm: 1994 (đã ly hôn). Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 06/10/2020 cho đến nay.

Nhân thân: Ngày 20/7/2020, Bị cáo bị Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định số: 520/QĐ-UBND đưa người nghiện ma túy vào cơ sở xã hội Thanh thiếu niên 2 để quản lý cắt cơn giải độc.

Bị cáo có mặt tại phiên Tòa.

2/ Họ và tên: Trần Quốc T, sinh ngày 22 tháng 8 năm 1997, tại: tỉnh Tây Ninh; Giới tính: Nam; HKTT: Ấp Tân Tây, xã Tân Hưng, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; Chỗ ở: Ấp Phú Lợi, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Cao đài; Học vấn: 08/12; Nghề nghiệp: công nhân; Con ông Trần Ái Q, sinh năm: 1961 và bà Huỳnh Thị H, sinh năm: 1964; Bị cáo có vợ tên Trần Thị O, sinh năm 1988. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 06/10/2020 cho đến nay.

Nhân thân: 21/7/2020, Bị cáo bị Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định số: 529/QĐ-UBND áp dụng biện pháp cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng.

Bị cáo có mặt tại phiên Tòa.

3/ Họ và tên: Phan Chí N, sinh ngày 03 tháng 11 năm 2001, tại: tỉnh Kiên Giang; Giới tính: Nam; HKTT: Ấp K, xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang; Chỗ ở: Ấp X, xã T, huyện C, Tp. Hồ Chí Minh. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Học vấn: 11/12; Nghề nghiệp: Công nhân; Con ông Phan Văn C, sinh năm: 1977 và bà Lý Thị C, sinh năm: 1982; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 06/10/2020 cho đến nay.

Nhân thân: Ngày 21/7/2020, Bị cáo bị Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định số: 518/QĐ-UBND áp dụng biện pháp cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng.

4/ Họ và tên: Võ Minh D, sinh ngày 02 tháng 01 năm 1989, tại: tỉnh Lâm Đồng; Giới tính: Nam; HKTT: Ấp 8, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: Ấp Bến Đò 2, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: thợ hớt tóc; Con ông Võ Dương, sinh năm: 1947 và bà Lộ Thị Thơm, sinh năm: 1947; Bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Thúy A, sinh năm: 1994; Có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự:

-Ngày 23/8/2010, Bị cáo bị công an quận T xử phạt hành chính về việc sử dụng trái phép chất ma túy.

- Ngày 15/6/2020, sử dụng trái phép chất ma túy đến ngày 11/9/2020, bị Tòa án nhân dân huyện C ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 15 tháng tại cơ sở cai nghiện ma túy Phú Đức. Bị cáo D chưa chấp hành quyết định trên do bị bắt quả tang về hành vi mua bán trái phép chất ma túy ngày 08/9/2020.

- Ngày 19-3-2021, Bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện C, tổng hợp hình phạt chung của Bản án số: 21/2021 ngày 03/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh buộc bị cáo Võ Minh D chấp hành chung của hai Bản án là 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời₂ hạn tù tính từ ngày 08/9/2020.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 08/9/2020 cho đến nay trong vụ án khác về hành vi mua bán trái phép chất ma túy.

Bị cáo có mặt tại phiên Tòa.

Người bị hại:

1. Bà Phan Thị Thu H, sinh năm: 1970 (vắng mặt).

Chỗ ở: Tiệm tạp hóa Thu H, Đường số 20, ấp B, xã T, huyện C, Tp. Hồ Chí Minh.

2. Ông Văn Hữu H1, sinh năm: 1952 (vắng mặt).

Chỗ ở: Nhà số 344 đường N, Ấp 1, xã, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ông Phạm Minh H2, sinh năm: 1967 (vắng mặt).

Chỗ ở: Số 44/7 Đường số 88, Tổ 9, ấp Cây Da, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Ông Nguyễn Ngọc M, sinh năm: 1959 (vắng mặt).

Chỗ ở: Số 19A Đường số 73, Ấp Đình, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Thúy A, sinh năm: 1994 (có mặt).

Địa chỉ: HKTT: Ấp 8, xã T, huyện C, Tp. Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu xài nên Nguyễn Văn H, Trần Quốc T và Phan Chí N đã rủ nhau đi trộm cắp cây kiểng để bán kiếm tiền tiêu xài.

* *Vụ thứ nhất:* Vào khoảng 01 giờ 40 phút ngày 10/7/2020, bị cáo H điều khiển xe gắn máy Dream (không rõ biển số) chở bị cáo T ngồi sau và bị cáo N điều khiển xe gắn máy Dream (không rõ biển số của Trọng) đi đến khu vực số nhà 104, ấp Bàu Sim, xã T1, huyện C tìm cây kiểng để trộm. Tại đây, bị cáo N đứng ngoài để cảnh giới, bị cáo H và bị cáo T đi vào trong lén lút nhổ 01 cây mai vàng trồng trong chậu cao khoảng 2m, dáng thông, tán rộng 1,5m, đường kính gốc 10cm loại mai thế, được đặt bên hông nhà của bà Phan Thị Thu H (sinh năm:1970) làm chủ sở hữu. Sau đó bị cáo H chở bị cáo T ôm cây mai mang về cất giấu tại thửa đất trồng thuộc ấp Cây Da, xã T, huyện C.

Tại bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự của Ủy ban nhân dân huyện C số: 185/KL ngày 03/8/2020 kết luận: giá trị cây mai vàng bị chiếm đoạt ngày 10/7/2020 trị giá 7.000.000 đồng.

* *Vụ thứ hai:* Vào khoảng 00 giờ 40 phút ngày 14/7/2020, bị cáo H điều khiển xe gắn máy Dream của mình chở bị cáo T, còn bị cáo N điều khiển xe Dream của bị cáo T đi đến số nhà 334, đường N, thuộc ấp 1, xã P, huyện C tìm cây kiểng để trộm. Tại đây, bị cáo H dùng kìm sắt chuẩn bị từ trước cắt kềm lưới, rồi chui vào trong vườn với bị cáo N, còn bị cáo T đứng bên ngoài canh giới. Khi vào vườn cây cảnh, bị cáo H và bị cáo N lén lút chiếm đoạt nhỏ 01 cây mai vàng cao 2m, tán rộng 1,5m, đường kính gốc 6cm, loại mai thế, dáng quỳ và 01 cây mai vàng cao 2m, tán rộng 1,5m, đường kính gốc 8cm, loại mai thế, dáng trực của ông Văn Hữu H1 (sinh năm: 1952) làm chủ sở hữu rồi chở về cất giấu tại thửa đất trống thuộc ấp Cây Da, xã T, huyện C.

Tại bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự của Ủy ban nhân dân huyện C số: 188/KL ngày 03/8/2020 kết luận: giá trị của 02 cây mai vàng bị chiếm đoạt vào ngày 14/7/2020 trị giá 17.500.000 đồng.

* *Vụ thứ ba:* Vào khoảng 00 giờ 30 phút ngày 15/7/2020, bị cáo H điều khiển xe gắn máy Dream (Không rõ biển số) chở bị cáo T, còn bị cáo N điều khiển xe Dream (Không rõ biển số) của bị cáo T đi đến vườn mai tại địa chỉ kênh 1T, ấp Phú Lợi, xã T, huyện C. Tại đây, bị cáo T đứng bên ngoài canh giới, còn bị cáo H và bị cáo N đi vào trong vườn tìm mai để trộm. Khi vào trong vườn mai, bị cáo H và bị cáo N lén lút nhỏ tổng cộng 04 cây mai gồm: 02 cây mai vàng, dáng thông, cao 1,7m và 1,3m, tán rộng 1,3m, chu vi gốc 22cm, loại mai thế; 01 cây mai vàng, dáng thông, cao 1,2m, tán rộng 1,2m, chu vi gốc 21cm, loại mai thế; 01 cây mai vàng, dáng thông, cao 1,1m, tán rộng 1,2m có chu vi gốc 20cm, loại mai thế của ông Phạm Minh H2 (sinh năm: 1967) làm chủ sở hữu và chở về cất giấu tại khu vườn Tràm thuộc ấp Phú Lợi, xã T, huyện C.

* Ngày 19/7/2020, bị cáo H thỏa thuận bán cho Võ Minh D với giá 500.000 đồng/cây (Dương biết mai do trộm cắp mà có nhưng vẫn mua), tổng 04 cây với giá 2.000.000 đồng, bị cáo D đặt cọc đưa trước cho bị cáo H 300.000 đồng. Bị cáo H chở bị cáo D điều khiển xe gắn máy đến khu rừng tràm nơi cất giấu mai, chở trước 02 cây mai về nhà bị cáo D. Còn 02 cây mai còn lại thì bị cáo H tự một mình mượn xe gắn máy Honda Vision biển số 59L2-068.87 của bị cáo D quay trở lại chở giao cho bị cáo D. Trên đường chở đi giao thì bị cáo H bị Công an xã T kiểm tra, thu giữ.

Tại bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự của Ủy ban nhân dân huyện C số: 187/KL ngày 03/8/2020 kết luận: giá trị của 04 cây mai vàng bị chiếm đoạt ngày 15/7/2020 trị giá 6.200.000 đồng.

* Riêng Nguyễn Văn H còn thực hiện thêm 01 vụ trộm cắp tài sản cùng với bị cáo Võ Minh D. Vào khoảng 22 giờ ngày 19/7/2020, bị cáo H cùng bị cáo D điều khiển 01 xe gắn máy Dream (không rõ biển số) đi đến khu vực số nhà 19A, đường 73A, ấp Đình, xã T, huyện C lén lút chiếm đoạt 01 chậu hoa ngũ sắc, thế

long mã hồi đầu, cao 01m, chu vi gốc 35cm của ông Nguyễn Ngọc M (sinh năm: 1959) làm chủ sở hữu.

Tại bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự của Ủy ban nhân dân huyện C số: 186 ngày 03/8/2020 và số: 256 ngày 12/10/2020 kết luận: 01 cây hoa ngũ sắc, thể long mã hồi đầu, cao 01m, chu vi gốc 35cm giá trị là 1.500.000 đồng và 01 chậu trồng cây bằng sứ màu trắng, có hoa văn, cao 60cm, đường kính miệng chậu 1,2m trị giá 350.000 đồng. Tổng giá trị thiệt hại bị chiếm đoạt vào ngày 19/7/2020 là 1.850.000 đồng.

Vật chứng thu giữ: (BL 295)

- 01 xe gắn máy hiệu Honda Vision màu xanh, biển số 59L2-068.87;
- 01 điện thoại di động hiệu Nokia Model TA-1174;
- 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu đen;
- Tiền NHNNVN: 300.000 đồng

Phần dân sự: Bị cáo Trần Quốc T và bị cáo Phan Chí N đã liên đới bồi thường cho các bị hại: ông Văn Hữu H1 28.000.000đồng, bị hại Phạm Minh H2 6.000.000đồng, bị hại Phạm Thị Thu H 7.000.000đồng. Các bị hại không có yêu cầu bồi thường thêm.

* Tại phiên Tòa các Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và thống nhất như bản cáo trạng đã nêu, ngoài ra các bị cáo không có ý kiến gì khác.

* Tại phiên Tòa bà A trình bày: Bà A xin nhận lại chiếc xe máy hiệu Honda Vision màu xanh nâu đen, biển số 59L2-068.87 mà bị cáo D dùng vào việc phạm tội, bà Anh khẳng định tài sản này do bị cáo D tên đứng và mua nhưng vì hoàn cảnh khó khăn nên bà Anh xin nhận lại để đi lại.

* Bản cáo trạng số: 24/CT-VKSCC ngày 11 tháng 01 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố:

Các bị cáo Nguyễn Văn H, Trần Quốc T và Phan Chí N truy tố về tội “Trộm cắp tài sản”, theo qui định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Võ Minh D truy tố về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, theo qui định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn H, Trần Quốc T và Phan Chí N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 173; điểm s Khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017:

Đề nghị: Xử phạt Nguyễn Văn H từ 01 (một) năm tù đến 02 (hai) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 173; điểm b, s Khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017:

Đề nghị: Xử phạt Phan Chí N từ 01 (một) năm tù đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 173; điểm b, s Khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017:

Đề nghị: Xử phạt Trần Quốc T từ 01 (một) năm tù đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Tuyên bố: Bị cáo Võ Minh D phạm vào tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017:

Đề nghị: Xử phạt Võ Minh D từ 09 (chín) tháng tù đến 01 (một) năm tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Đối với vật chứng đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Bị cáo H tự bào chữa: Không.

* Bị cáo N tự bào chữa: Không.

* Bị cáo T tự bào chữa: Không.

* Bị cáo D tự bào chữa: Không.

* Lời nói sau cùng của bị cáo H: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho Bị cáo, Bị cáo đã biết lỗi của mình.

* Lời nói sau cùng của bị cáo N: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho Bị cáo, Bị cáo đã biết lỗi của mình.

* Lời nói sau cùng của bị cáo T: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho Bị cáo, Bị cáo đã biết lỗi của mình.

* Lời nói sau cùng của bị cáo D: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho Bị cáo, Bị cáo đã biết lỗi của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Trong các giai đoạn tố tụng từ khi khởi tố vụ án cho đến khi kết thúc việc truy tố, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Điều tra viên, Kiểm sát viên đều thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự và thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về tội danh:

[2.1] Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn H, Trần Quốc T, Phan Chí N và Võ Minh D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo là phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Theo đó, có đủ cơ sở để kết luận: Do cần tiền tiêu xài, các bị cáo Nguyễn Văn H, Trần Quốc T và Phan Chí N rủ nhau đi trộm cắp cây kiểng để bán lấy tiền tiêu xài. Cụ thể: Ngày 10/7/2020, các bị cáo trộm của bà Phan Thị Thu H 01 cây mai vàng, có giá: 7.000.000đồng; Ngày 14/7/2020, trộm của ông Văn Hữu H1 02 cây mai vàng có giá: 17.500.000đồng và ngày 15/7/2020, trộm của ông Phạm Minh H2 04 cây mai vàng, có giá: 6.200.000đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo H, T và N chiếm đoạt là: 30.700.000đồng. Sau khi trộm được 04 cây mai vàng của ông Phạm Minh H2, ngày 19/7/2020, bị cáo Nguyễn Văn H đã thỏa thuận bán cho Võ Minh D 04 cây mai với giá: 500.000đ/cây. Bị cáo Võ Minh D biết là tài sản bị cáo H bán do trộm cắp mà có nhưng vẫn mua. Ngoài ra, ngày 19/7/2020, bị cáo Nguyễn Văn H còn cùng bị cáo Võ Minh D lấy trộm của ông Nguyễn Ngọc M 01 chậu hoa ngũ sắc có giá: 1.850.000đồng. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố: Các bị cáo Nguyễn Văn H, Trần Quốc T và Phan Chí N về tội “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự và Bị cáo Võ Minh D phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét tính chất mức độ phạm tội của các Bị cáo thấy rằng: Hành vi của các bị cáo nguy hiểm, đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của bị hại, hành vi của các Bị cáo còn gây mất trật tự trị an chung cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến đời sống sinh hoạt của mọi người. Khi thực hiện hành vi các Bị cáo nhận thức được rằng hành vi của mình là sai trái, phạm pháp, thế nhưng các Bị cáo vẫn bất chấp nguy hiểm để thực hiện hành vi phạm tội, chỉ vì nhằm đạt được mục đích mong muốn là có tiền tiêu xài, thỏa mãn sự tư lợi riêng của cá nhân các Bị cáo. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy cần xử lý các Bị cáo bằng một hình phạt là đúng với quy định của pháp luật.

Xét bị cáo H với vai trò là người thực hành và đề xướng rủ bị cáo N và bị

cáo T. Do vậy, Hội đồng xét xử xét cần xử lý bị cáo H mức hình phạt cao hơn bị cáo N và bị cáo T là có căn cứ.

[2.2] Đối với bị cáo Võ Minh D thực hiện việc trộm cắp tài sản với bị cáo H vào ngày 19/7/2020 nhưng giá trị tài sản bị cáo D chiếm đoạt là: 1.850.000đồng, chưa đủ định lượng để xử lý hình sự nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã thông báo cho Công an xã T xử lý theo thẩm quyền là phù hợp.

[3] Về nhân thân: Các bị cáo H, Trọng và Nghi có nhân thân tốt. Bị cáo D có nhân thân xấu, có tiền án về hành vi mua bán trái phép chất ma túy, trộm cắp tài sản và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, có tiền sự về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc nên cần xem xét khi lượng hình.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo H, Trọng và Nghi thực hiện tội phạm 02 lần trở lên nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình giải quyết và tại phiên tòa các bị cáo đều đã thành khẩn khai báo. Bị cáo T và Nghi đã tích cực bồi thường thiệt hại cho người bị hại để khắc phục hậu quả. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho các Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định để cân nhắc giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[6] Xét phần trình bày của bà Nguyễn Thị Thúy A xin nhận lại 01 xe gắn máy hiệu Honda Vision màu xanh nâu đen, biển số 59L2-068.87 của Võ Minh D đứng tên dùng vào việc phạm tội. Xét yêu cầu của bà Anh là không phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở để chấp nhận.

[7] Về vật chứng của vụ án:

- 01 xe gắn máy hiệu Honda Vision màu xanh nâu đen, biển số 59L2-068.87 của Võ Minh D đây là tài sản bị cáo D dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia Model TA-1174 và 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu đen của bị cáo D không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

- Tiền NHNNVN: 300.000 đồng do bị cáo H có được từ việc bán tài sản trộm cắp nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Trần Quốc T và Phan Chí N đã bồi thường cho bị hại ông Văn Hữu H1 28.000.000đ, ông Phạm Minh H2 6.000.000đ, bà Phan Thu H

7.000.000đ. Ông Huệ, ông Hải và bà Hương không có yêu cầu gì khác. Bị cáo T và Nghi không yêu cầu bị cáo H phải hoàn trả lại số tiền hai bị cáo đã bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người bị hại ông Nguyễn Ngọc M đã được đã nhận lại tài sản bị trộm cắp và không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xét.

[9] Về án phí: Xét cần buộc Bị cáo phải chịu một khoản tiền án phí hình sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015; Luật Phí và lệ phí năm 2015 và Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn H, Trần Quốc T và Phan Chí N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm s Khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn H từ 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 06/10/2020.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm b, s Khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt: Bị cáo Phan Chí N 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 06/10/2020.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm b, s Khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt: Bị cáo Trần Quốc T 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 06/10/2020.

2. Tuyên bố: Bị cáo Võ Minh D phạm vào tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 323, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ

luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt Võ Minh D 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 08/9/2020.

3. Về xử lý vật chứng:

- Áp dụng: Điều 106 Bộ luật Hình sự:

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 xe gắn máy hiệu Honda Vision màu xanh nâu đen, biển số 59L2-068.87, số máy: JF58E-0143875, số khung: RLHJF5805EY143884 và tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam: 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Trả lại cho bị cáo Võ Minh D 01 điện thoại di động hiệu Nokia Model TA-1174, số IMEI1: 357743108027958, số IMEI2: 35774510093156 và 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu đen, số IMEI: 357458/06/332716/1.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm:

- Áp dụng: Luật Phí và lệ phí năm 2015 và Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) buộc bị cáo Nguyễn Văn H, Trần Quốc T, Phan Chí N và Võ Minh D phải chịu.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án Bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo. Riêng bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Công an huyện Củ Chi;
- Nhà tạm giữ CA huyện C
- Chi Cục THADS h.Củ Chi;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: VP, hồ sơ.

Phạm Thị Hồng Ngọc

